

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG MỸ – NGỤY Ở MIỀN NAM (1954-1965)

Nhằm dập tắt phong trào, đầu tháng 11-1954, Mỹ - Diệm ra sức khủng bố. Chúng cho tay chân lùng bắt các nhà lãnh đạo phong trào. Nhiều người tham gia phong trào bị bắt và bị tra tấn rất dã man. Từ giữa năm 1955, tuy về danh nghĩa, phong trào hoà bình Sài Gòn - Chợ Lớn không tồn tại, nhưng trên thực tế, các Ủy ban ở cơ sở vẫn tiếp tục hoạt động dưới hình thức là những Ủy ban cứu tế nạn nhân bị hoả hoạn và sau đó chuyển thành Ủy ban đề phòng nạn cháy¹. Từ năm 1955, ở miền Nam lại bùng lên phong trào đòi lập lại quan hệ bình thường hai miền Nam-Bắc. Điều này nói lên nguyện vọng tha thiết của nhân dân miền Nam là hoà bình và thống nhất đất nước. Nó giáng một đòn mạnh mẽ vào âm mưu chia cắt lâu dài nước ta của tập đoàn Mỹ - Diệm. Song song với phong trào bảo vệ hoà bình và đòi hiệp thương tổng tuyển cử, phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ và cải thiện đời sống cũng ngày càng lan rộng. Tham gia phong trào này không chỉ có quần chúng lao động, mà còn có đông đảo các tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên, các nhà công thương, tu hành và một số tư sản, địa chủ, nhân viên ngụy quân, ngụy quyền và binh lính. Trong các phong trào đó giai cấp công nhân là lực lượng đi tiên phong. Tính đến cuối năm 1959,

đã có gần 1.500 cuộc đấu tranh của công nhân; trong đó có 27 cuộc đấu tranh lớn, tiêu biểu là hai cuộc biểu tình tuần hành khổng lồ của công nhân và nhân dân lao động Sài Gòn trong ngày 1-5-1956 gồm 200.000 người và ngày 1-5-1958 gồm 500.000 người tham gia . Giai cấp nông dân miền Nam cũng tổ chức đấu tranh để bảo vệ những quyền lợi đã giành được trong kháng chiến, đấu tranh chống chương trình cải cách điền địa, đòi quyền lưu canh, chống cướp đất, đuổi nhà, dồn làng . . . Riêng ở miền Trung và miền Tây Nam Bộ đã nổ ra 3.000 vụ đấu tranh về ruộng đất .

Phong trào diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, như biểu tình, đưa đơn kiến nghị; có nơi đồng bào vũ trang chống lại bọn tay chân của Diệm.

Gay go, quyết liệt và đẫm máu nhất là phong trào đấu tranh chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng". Trong chiến dịch "tố cộng", diệt cộng", Mĩ - Diệm huy động lực lượng quân đội, cảnh sát, bảo an, dân vệ càn quét, đánh phá dữ dội ở cả nông thôn, thành thị và các khu căn cứ. Các gia đình kháng chiến cũ, gia đình có người đi tập kết là đối tượng chủ yếu của "tố cộng". Chúng dùng mọi thủ đoạn tra tấn cực hình kết hợp với thủ đoạn thâm hiểm để buộc mọi người dân phải nói xấu cách mạng, nói xấu cộng sản, thừa nhận bọn phản quốc tay sai của

Mĩ và từ bỏ cách mạng.

Nhân dân miền Nam đã tỏ rõ ý chí kiên cường, không chịu khuất phục, tỏ rõ lòng trung thành với cách mạng. Bằng lí lẽ đanh thép và khôn khéo quần chúng đã vạch trần bộ mặt bán nước, hại dân của tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm, bảo vệ và làm sáng tỏ chủ nghĩa cách mạng. Trong những năm tháng ác liệt nhất, hàng ngàn tấm gương sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng xuất hiện đã giữ vững niềm tin cho quần chúng, cổ vũ họ đấu tranh và làm cho Đảng ngày càng bám rễ vững chắc trong nhân dân. Đồng bào miền Nam vẫn che giấu, nuôi dưỡng cán bộ, đảng viên, làm giao thông liên lạc, chuyển công văn... âm mưu cơ bản của Mĩ - Diệm trong chiến dịch "tô cộng", diệt cộng" bị thất bại. Tên chủ tịch Hội đồng chỉ đạo tổ cộng Trung ương (Trần Chánh Thành) đã thú nhận: "đây là một thất bại lớn vì phong trào chất vấn rộng rãi, hướng dẫn viên của chúng ta không giải quyết được".

Trong hai năm đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, nhân dân miền Nam luôn nêu cao ngọn cờ hoà bình, thống nhất, dân chủ. Với nhiều hình thức phong phú, đấu tranh bằng lí lẽ, bằng pháp lí của Hiệp định Giơnevơ, bằng lực lượng quần chúng đông đảo đồng bào ta đã nêu cao tinh thần yêu nước và ý chí đoàn kết thống nhất của mình, liên tục phản công và tiến công địch. Ngược lại, tập đoàn thống trị Ngô Đình

Diện ngày càng lộ rõ bộ mặt độc tài phát xít, phản dân tộc, làm tay sai cho đế quốc Mỹ, cố tình phá hoại Hiệp định Giơnevơ. Thực tiễn hai năm đấu tranh cho thấy, đối với kẻ thù của dân tộc và giai cấp, không thể dùng đấu tranh chính trị đơn thuần như trước, mà phải dùng bạo lực cách mạng. Yêu cầu của cách mạng cũng như nguyện vọng của đồng bào miền Nam lúc này đòi hỏi phải chuyển sang hình thức đấu tranh cao hơn.

Tháng 6-1956, Bộ Chính trị ra nghị quyết về "Tình hình và nhiệm vụ cách mạng miền Nam", nêu rõ: "Vấn đề hết sức quan trọng là phải tranh thủ xây dựng lực lượng cách mạng". Nghị quyết nhấn mạnh: Tuy "hình thức đấu tranh của ta hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải là đấu tranh vũ trang", nhưng "như thế không có nghĩa là không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định". Vì vậy Bộ Chính trị quyết định phải "củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng các căn cứ làm chỗ dựa. Đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang".

Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn - Ủy viên Bộ Chính trị, đang công tác tại miền Nam - dựa vào sự phân tích khoa học tình hình chính trị, xã hội miền Nam, đã soạn thảo Đề cương cách mạng miền Nam. Đây là một

văn kiện quan trọng, chỉ rõ con đường cách mạng là con đường duy nhất đúng của nhân dân ta ở miền Nam tiến tới lật đổ chính quyền Mĩ - Diệm, thành lập chính quyền cách mạng. Bản Đề cương nhấn mạnh: "Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là trực tiếp đánh đổ chính quyền độc tài phát xít Ngô Đình Diệm, tay sai của Mĩ, giải phóng nhân dân miền Nam khỏi ách đế quốc phong kiến, thiết lập ở miền Nam một chính quyền liên hiệp có tính chất dân tộc, dân chủ để cùng với miền Bắc thực hiện một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất độc lập và dân chủ nhân dân". Những nghị quyết trên đây đã kịp thời soi sáng cho đảng viên, cán bộ và nhân dân miền Nam vượt qua chặng đường đấu tranh cực kỳ ác liệt, góp phần đưa phong trào cách mạng tiến lên một bước phát triển mới. Riêng năm 1957, có 2 triệu lượt người tham gia đấu tranh chính trị; năm 1958 có 3,7 triệu lượt và bước sang năm 1959 có gần 5 triệu lượt người tham gia. Những cuộc đấu tranh chống địch khủng bố, chống trả thù những người kháng chiến cũ, chống "tố cộng", "diệt cộng"; chống cướp đất, đuổi nhà... diễn ra dai dẳng, quyết liệt ở khắp nơi. Từ trong phong trào, trên thực tế, một mặt trận thống nhất chống Mĩ - Diệm đã hình thành.

Cùng với sự phát triển phong trào đấu tranh chính trị trong các tầng lớp nhân dân, phong trào đấu tranh vũ trang tự vệ, trừ gian, diệt ác cũng bắt đầu phát triển. Các đơn vị vũ trang tập trung được xây dựng ở

nhều nơi. Căn cứ địa được hình thành phần lớn từ các vùng căn cứ thời kì kháng chiến chống Pháp: Chiến khu Đ 1, Đồng Tháp, U Minh, Tây Nguyên...

Những hoạt động vũ trang của quân và dân miền Nam có tác dụng rất lớn, gây cho địch nhiều khó khăn, trở ngại trong việc củng cố chính quyền ở thôn, xã; hạn chế những hành động cướp bóc, vơ vét của địch và bảo vệ quyền lợi ruộng đất cho nông dân. Một số tên tay sai ác ôn phải chùn lại, địa chủ ngán sợ, không dám trắng trợn cướp đất tăng tô. Trên thực tế, việc trừ gian, diệt ác trở thành một hình thức đấu tranh quan trọng và cần thiết để giữ vững phong trào, bảo vệ cơ sở cách mạng. Đặc biệt, từ năm 1958, hoạt động vũ trang tự vệ trở thành phổ biến, có tác dụng hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân.

Trước sự phát triển mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân, Mĩ - Diệm điên cuồng khủng bố. Tháng 5-1957, Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật để cho bọn tay chân tự do chém giết. Không khí khủng bố, chết chóc bao trùm khắp nơi. Cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực bị săn lùng ráo riết. Mĩ - Diệm vẫn tiếp tục đẩy mạnh các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", dồn dân lập "khu dinh điền", "khu trừ mật". Các cuộc đánh phá, khủng bố của chính quyền

Diệm đối với nhân dân ta đã đến đỉnh cao về mức độ khốc liệt và tính chất man rợ. Ngày 1-12-1958, chúng đầu độc 6.000 người yêu nước ở nhà giam Phú Lợi (Thủ Dầu Một). Tháng 3-1959, Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Tháng 5- 1959, chúng lại ban hành luật phát xít "/0159"; thiết lập ba toà án quân sự đặc biệt để công khai chém giết đồng bào ta. Miền Nam Việt Nam trở thành một địa ngục trần gian mà ở đó, quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc của con người bị chà đạp một cách trắng trợn. Tình thế cách mạng ngày càng đi đến chín muồi bởi kẻ thù không thể thống trị như cũ được nữa. Nhân dân miền Nam bị đẩy vào cảnh khốn cùng. Muốn tồn tại, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác là phải vùng dậy đấu tranh để giành quyền sống. Trong bối cảnh lịch sử ấy, từ ngày 13-1-1959, tại Hà Nội, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá ni được khai mạc. Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân" .

Như vậy, với Nghị quyết 15, Trung ương Đảng đã quyết định phát động

quần chúng nhân dân, trước hết ở nông thôn, dùng đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, tiến hành khởi nghĩa vũ trang đập tan ách kìm kẹp của Mĩ -Diệm để giành quyền làm chủ. Nghị quyết 15 có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó đáp ứng yêu cầu bức thiết nhất của cách mạng miền Nam lúc đó, làm xoay chuyển tình thế và đưa phong trào cách mạng miền Nam thoát khỏi tình trạng nguy hiểm. Đồng thời, nó cũng đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của nhân dân miền Nam là vùng dậy đập tan xiềng xích nô lệ để giành quyền làm chủ. Do đó, Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng nhanh chóng đi vào quần chúng và trở thành hành động quật khởi của quần chúng.

Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời trong hoàn cảnh quốc tế có nhiều khó khăn và phức tạp: Đảng Cộng sản Liên Xô không tán thành Nghị quyết 15, mà chủ trương củng cố miền Bắc, thông qua đó để đi tới thống nhất, không tiến hành khởi nghĩa vũ trang. Đảng Cộng sản Trung Quốc tán thành phương hướng chung của Nghị quyết 15, tán thành hoạt động vũ trang nhưng chỉ ở quy mô nhỏ cấp đại đội. Trong hoàn cảnh ấy, việc đề ra Nghị quyết 15 chứng tỏ kinh nghiệm dày dặn và sự trưởng thành vượt bậc của Đảng ta về lí luận cũng như về thực tiễn. Nó thể hiện tính độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng.

Ngay sau khi đề ra Nghị quyết 15, theo chỉ thị của Bộ Chính trị, tháng 5-1959, Trung ương Đảng đã lập Đoàn vận tải quân sự Trường Sơn (Đoàn 559) để tăng cường sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Tháng 7-1959, Trung ương quyết định tổ chức đường vận tải trên biển.

Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời giữa lúc nhân dân miền Nam "không thể sống như cũ được nữa". Do đó, nó đã làm bùng lên phong trào đồng khởi trên nhiều vùng rộng lớn. Ở Liên khu V, từ tháng 2 đến tháng 4-1959, nhân dân huyện Vĩnh Thành (Bình Định) nổi dậy, dời làng vào rừng sâu, xây dựng làng chiến đấu. Cùng thời gian này, nhân dân huyện Bắc Ái (Ninh Thuận), huyện Đắc Lay (Kon Tum) và nhiều làng ở Đắc Lắc cũng nổi dậy phá tề, diệt ác, xây dựng làng chiến đấu chống Mỹ - Diệm. Những cuộc nổi dậy trên đây đã phá tung một mắt xích quan trọng trong hệ thống cai trị của địch ở miền Tây Trung Bộ. Trong tất cả các cuộc nổi dậy của đồng bào miền núi

Liên khu V, nổi bật nhất là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (Quảng Ngãi vào ngày 28-8-1959. Tại đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, khoảng 16.000 đồng bào nổi dậy đấu tranh chính trị, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quét sạch ngụy quyền ở thôn, xã, thành lập chính quyền cách mạng dưới hình thức Ủy ban nhân dân tự quản.

Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng lan rộng sang các huyện thuộc miền Tây Quảng Ngãi (Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ). Cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi diễn ra nhanh, trên địa bàn rộng (gần 5.000 km²); bao gồm 4 huyện, với 4 dân tộc (Coi, Hre, Ca Dong, Kinh) đã giành được thắng lợi to lớn. Sau khởi nghĩa, nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi tiến hành cuộc chiến đấu ngoan cường để chống lại những cuộc càn quét, chà đi xát lại của địch. Nhờ đó, dù trong hoàn cảnh khó khăn, ác liệt, phong trào ở đây vẫn đứng vững. Thắng lợi này có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng miền Trung, đồng thời cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng không chỉ ở Quảng Ngãi, mà cả trong toàn khu, toàn miền. Trong khi nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đang thu được thắng lợi, thì tại đồng bằng Nam Bộ, trên nhiều vùng rộng lớn, quần chúng cũng nổi dậy vũ trang diệt ác, phá thế kìm kẹp, làm tan rã từng mảng hệ thống ngụy quyền cơ sở. Trong phong trào nổi dậy ấy, cuộc đồng khởi ở Bến Tre là tiêu biểu nhất. Phong trào “đồng khởi” ở Bến Tre nổ ra nhiều đợt. Riêng năm 1960, có hai đợt đồng khởi:

- Đợt một (17 – 25-1): Huyện Mỏ Cà được chọn làm nơi chỉ đạo, mở đầu cho phong trào nổi dậy của tỉnh. Từ ba xã trọng điểm: Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh, cuộc nổi dậy lan sang các xã trong huyện.

Khắp Mỏ Cà, ngày cũng như đêm, đều vang lên tiếng trống, mõ và tiếng nổ liên hồi xen lẫn với tiếng hò reo của quần chúng cách mạng. Với khí thế cách mạng sục sôi ấy, nhân dân, nhất là thanh niên nam, nữ, hăng hái tổ chức đội ngũ, trương cờ, vác các loại súng (súng thật súng giả), kéo đi như nước vỡ bờ, uy hiếp tinh thần quân địch. Phong trào “đồng khởi” từ Mỏ Cà lan sang các huyện Thành Phú, Minh Tân... Chỉ trong một tuần lễ, nhân dân 47 xã đồng loạt nổi dậy đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, giải phóng 150 ấp, bức địch rút 47 đồn bốt. Các thôn, xã sau khi giải phóng đều mở đại hội nhân dân, lập toà án cách mạng để trừng trị những tên tay sai ác ôn, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày.

Từ trong thắng lợi của phong trào “đồng khởi”, một đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh Bến Tre được thành lập. Trong tình hình đó, kẻ địch không những phải đối phó với những cuộc nổi dậy của quần chúng, mà còn phải đương đầu với cuộc chiến tranh nhân dân rộng khắp, với một lực lượng vũ trang chiến đấu giỏi làm nòng cốt.

Hoảng sợ trước làn sóng cách mạng ở Bến Tre, ngày 22-3- 1960, Mĩ – Diệm huy động hơn 10.000 quân chủ lực, có tàu chiến, xe tăng yểm trợ, mở cuộc càn lớn vào ba xã trọng điểm của huyện Mỏ Cà. Chúng chia nhiều mũi bao vây, chia cắt từng khu vực, lục soát từng bụi cây, tìm diệt

lực lượng vũ trang và cơ quan đầu não của tỉnh, quyết đập tắt phong trào đồng khởi ở ba xã điểm. Nhân dân ba xã đứng trước một thử thách lớn. Ban lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ huy cuộc chống càn, quyết định phát động một đợt đấu tranh chính trị với quy mô lớn, tấn công vào quận lỵ Mỏ Cà, đòi địch phải rút quân. Hàng ngàn quần chúng, phần lớn là phụ nữ, mang theo quần áo, chăn màn, nồi xoong, bồng bế cả con, cháu, đội khăn tang, kéo về Mỏ Cà đấu tranh chống địch càn quét.

Trước sức mạnh và lời lẽ có lí có tình của đội quân chính trị hùng hậu, kẻ thù buộc phải ra lệnh rút quân khỏi ba xã (20-4- 1960). Cuộc phản công quy mô lớn của địch vào ba xã điểm “đồng khởi” đã thất bại trước tinh thần đấu tranh kiên quyết và khéo léo với sự kết hợp ba mũi chính trị, quân sự và binh vận của nhân dân Mỏ Cà, đặc biệt là phụ nữ. Địch hoảng sợ và gọi những người phụ nữ Bến Tre tay không đánh giặc là “đội quân tóc dài”.

Qua “đồng khởi” đợt một, Bến Tre đã thể nghiệm thành công phương pháp kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận, nêu lên những bài học kinh nghiệm quý báu về phương pháp cách mạng cho toàn miền Nam.

Rút kinh nghiệm “đồng khởi” đợt một, Đảng bộ Bến Tre quyết định tổ chức “đồng khởi” đợt hai, với quy mô lớn hơn, vào ngày 24-9- 1960. Huyện Giồng Trôm được chọn làm trọng điểm. Chỉ trong vòng nửa ngày, nhân dân Ba Châu (Châu Phú, Châu Thời, Châu Hoà), bằng sự kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận, đã lấy gọn được ba đồn địch, thu 60 súng mà không tốn một viên đạn, một giọt máu. Từ thắng lợi đó, phong trào “đồng khởi” toả ra các huyện lỵ.

Cho đến 22-10-1960, “đồng khởi” đợt hai ở Bến Tre thu được thắng lợi to lớn: 60 đồn địch bị san phẳng, 400 địch bị giết, 48 xã được hoàn toàn giải phóng. Từ Bến Tre, làn sóng “đồng khởi” nhanh chóng lan rộng khắp các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở Trung Trung Bộ.

Nhận thấy miền Đông Nam Bộ là nơi căn cứ cách mạng được xây dựng, củng cố vững chắc, lại sớm tổ chức các đơn vị vũ trang tập trung, Xứ uỷ Nam Bộ chủ trương tổ chức một đòn tiến công quân sự, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy. Thực hiện chủ trương trên, Ban quân sự liên tỉnh miền Đông quyết định tổ chức tấn công Tua Hai, một căn cứ của một trung đoàn chính quy ngụy, cách thị xã Tây Ninh 7 km. Trận đánh bắt đầu diễn ra từ đêm 25 rạng 26-1-1960 và kết thúc nhanh chóng. Ta diệt sao tên địch, bắt giáo dục và thả tại chỗ 500 tên khác, thu 1.500 súng các loại. Trận Tua Hai là trận đánh lớn đầu tiên của lực lượng vũ

trang cách mạng miền Nam. Chiến thắng Tua Hai đánh dấu một bước phát triển mới về trình độ tổ chức, chỉ huy hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang cách mạng. Chiến thắng này mang ý nghĩa chính trị to lớn không chỉ hỗ trợ trực tiếp cho phong trào nổi dậy của nhân dân Tây Ninh, mà còn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng cách mạng ở các tỉnh Nam Bộ vùng dậy giành quyền làm chủ. Cùng với chiến thắng Tua Hai, nhân dân Tây Ninh nổi dậy giải phóng 2/3 số xã trong tỉnh, nối liền với Chiến khu Dương Minh Châu thành một vùng căn cứ cách mạng rộng lớn, án ngữ phía Tây Bắc Sài Gòn – Gia Định. Với phong trào “đồng khởi” 1959 – 1960 của nhân dân miền Nam, hệ thống kìm kẹp của Mĩ – Diệm ở thôn, xã bị tan vỡ từng mảng. Chính quyền cách mạng được thành lập dưới hình thức Ủy ban nhân dân tự quản. Vùng giải phóng hình thành, ngày càng mở rộng, nối liền giữa các huyện, các tỉnh, tạo thành một thể liên hoàn. Trong vùng giải phóng, hầu hết ruộng đất được trả lại cho nông dân. Tính đến cuối năm 1960, khoảng 2/3 cơ cấu chính quyền địch ở cơ sở bị tan vỡ Cục tình báo trung ương Mĩ phải thú nhận: “Một thời kì hết sức nghiêm trọng đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm và Việt Nam Cộng hoà đã ở ngay trước mắt... Trên một nửa toàn bộ vùng nông thôn nằm ở phía nam và tây nam Sài Gòn, cũng như một số vùng ở phía bắc đã nằm dưới quyền kiểm soát rất lớn của cộng sản...” .Từ trong và sau thắng lợi của phong trào “đồng khởi” 1959 – 1960, khí thế cách mạng của quần chúng lên cao; lực lượng cách mạng phát triển nhanh chóng.